

Bài 8

CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

I. TƯ TƯỞNG VỀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

1. Lý luận cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác - Lênin

Trong lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về cách mạng xã hội chủ nghĩa, lý luận về sự phát triển cuộc cách mạng dân chủ tư sản theo một cương lĩnh mang tính triệt để rồi chuyển biến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa do V.I. Lênin nêu lên có một vị trí nổi bật.

Để làm việc đó, V.I. Lênin đã kế thừa những tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen về cách mạng không ngừng. Khi luận chứng về mặt lý luận, C. Mác và Ph.Ăngghen xem cách mạng như một quá trình gồm hai giai đoạn, nhưng phát triển liên tục, thông qua việc hoàn thành mục tiêu của giai đoạn thứ nhất rồi tiến tới mục tiêu cuối cùng.

Trong khi quan tâm và đặt hy vọng chủ yếu vào sự bùng nổ đồng loạt của cách mạng ở các nước tư bản chủ

nghĩa phát triển, hai ông bỏ qua các nước mà chủ nghĩa tư bản mới chỉ đạt mức độ trung bình, còn tồn tại những tàn tích nặng nề của chế độ phong kiến trung cổ. Xem các nước này như những bộ phận không tách rời trong hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới, hai ông nêu lên giả định cho rằng, cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể nổ ra ở các nước này trước khi nó nổ ra ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển. Ở các nước này, theo C. Mác và Ph. Ăngghen, cần kết hợp cuộc cách mạng của giai cấp vô sản với phong trào đấu tranh của nông dân và của các lực lượng tư sản chống phong kiến, giành dân chủ. Cuộc đấu tranh giành dân chủ phải được đặt trong xu thế tiến tới một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nghiên cứu tình hình nước Đức vào nửa đầu thế kỷ XIX, hai ông cho rằng, nước Đức hiện nay đang ở vào đêm hôm trước của một cuộc cách mạng tư sản và cách mạng tư sản Đức chỉ có thể là màn đầu trực tiếp cho một cuộc cách mạng vô sản.

Điều mà C. Mác và Ph. Ăngghen chỉ xem như ngoại lệ trong thời đại của các ông đã được V.I. Lênin căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử mới khẳng định là nét tiêu biểu của thời đại mình. Ông phân tích sâu tình hình nước Nga cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Do là nơi tập trung các mâu thuẫn lúc đó và là khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền đế quốc chủ nghĩa, đồng thời làm cho giai cấp công nhân tuy ra đời muộn nhưng sớm trưởng thành, nước Nga trở thành trung tâm của cách mạng thế giới.

Trong lòng nước Nga "đế quốc - phong kiến - quân phiệt" cùng một lúc xuất hiện tiền đề của hai cuộc cách

mạng. Chủ nghĩa tư bản đạt tới mức độ phát triển trung bình và đã chuyển vào giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, làm cho mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản biểu hiện gay gắt, tạo nên tiền đề cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước Nga. Tàn tích phong kiến trung cổ được duy trì ở mức độ nặng nề làm cho mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân và giai cấp địa chủ biểu hiện không kém phần gay gắt, tạo nên tiền đề của cách mạng dân chủ.

Trong bầu không khí sục sôi cách mạng ở nước Nga, cùng một lúc xuất hiện nhiều lực lượng đấu tranh. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân vì tự do, dân chủ và chủ nghĩa xã hội; cuộc đấu tranh của giai cấp nông dân đòi ruộng đất và quyền dân sinh, dân chủ tối thiểu; cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức đòi bình đẳng và tự quyết dân tộc; cuộc đấu tranh của đông đảo nhân dân đòi chấm dứt chiến tranh và tạo lập một nền hoà bình vững chắc. V.I. Lênin nhận rõ rằng hoà bình, dân sinh, dân chủ là "mẫu số chung" của tất cả các trào lưu đó. Vì thế, cương lĩnh cách mạng do Người nêu ra là tiến hành một cuộc cách mạng dân chủ triệt để rồi chuyển biến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

V.I. Lênin chỉ ra rằng, khác với các giai đoạn trước, ở giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, do thái độ của các giai cấp và mối tương quan giữa các giai cấp đã có những thay đổi nhất định nên cách mạng dân chủ đã có những biểu hiện mới trong nội dung. Cách mạng dân chủ tư sản Nga mang tính nhân dân sâu sắc, đồng thời biểu lộ cả những

"dấu hiệu vô sản". Đó là cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới do giai cấp công nhân lãnh đạo. Sự hoàn thành triệt để cuộc cách mạng đó có nghĩa là tạo lập chiếc cầu trực tiếp để chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Sự sắp xếp lực lượng trong cách mạng được V.I. Lênin giải quyết trên cơ sở định hướng trên. Giai cấp công nhân là lực lượng dân chủ kiên quyết nhất vì mục tiêu của nó - chủ nghĩa xã hội - đòi hỏi phải đưa cuộc đấu tranh giành dân chủ tới thắng lợi triệt để. Những người tư sản loại vừa và nhỏ tuy ít nhiều có tinh thần dân chủ, nhưng thái độ lừng chừng bởi vì họ chống phong kiến nhưng lại muốn cùng phong kiến đối phó với phong trào đấu tranh của những người lao động. Nông dân có thể trở thành "lực lượng cấp tiến nhất" của cách mạng dân chủ bởi vì lợi ích của họ chỉ có thể được bảo đảm khi thủ tiêu triệt để chế độ phong kiến.

Nước Nga không thể bỏ qua cuộc cách mạng dân chủ để tiến ngay lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhưng cuộc cách mạng dân chủ mà nước Nga tiến hành cũng không dừng lại ở thắng lợi mà nó giành được đối với chế độ phong kiến chuyên chế mà phải chuyển biến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Mối quan hệ biện chứng giữa dân chủ và chủ nghĩa xã hội được V.I. Lênin giải quyết đúng đắn đã làm cho các nhân tố dân chủ được định hướng theo chủ nghĩa xã hội, còn các nhân tố của chủ nghĩa xã hội thì luôn được đặt trên mảnh đất dân chủ tiềm tàng mà chính từ đó chúng đã nảy sinh. V.I. Lênin từng nhấn mạnh: Dân chủ là con đường ngắn nhất để đi tới chủ nghĩa xã hội.

V.I. Lênin cho rằng, thắng lợi triệt để của cách mạng dân chủ phải được đánh dấu bằng sự ra đời của một thiết chế chính trị mang tính quá độ, đó là nền chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp công nhân và giai cấp nông dân. Thiết chế chính trị đó mang tính mềm dẻo, hoạt động của nó vừa đáp ứng những nhiệm vụ mà cách mạng dân chủ đặt ra một cách trực tiếp, vừa thể hiện được xu thế phát triển lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chỉ khi chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, nền chuyên chính này mới chuyển thành chuyên chính vô sản. Thực chất của bước chuyển đó không phải là làm khô cạn những tiềm năng dân chủ bằng cách thu gọn vào sự "độc quyền vô sản", ngược lại, đó là quá trình làm sâu rộng thêm nền tảng dân chủ bằng cách ngày càng thu hút đông đảo nhân dân lao động tham gia vào quá trình quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

V.I. Lênin còn nêu lên và thực hiện tư tưởng về sự "giao kết" giữa cách mạng dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Sự "giao kết" đó biểu hiện ở chỗ trong cách mạng dân chủ đã giải quyết một số nhiệm vụ nhằm chuẩn bị tiền đề trực tiếp cho cách mạng xã hội chủ nghĩa, còn khi đã chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa thì vẫn phải tiếp tục hoàn tất những nhiệm vụ còn lại của cách mạng dân chủ. Sự "giao kết" đó gắn bó hai giai đoạn cách mạng vào một tiến trình liên tục và thống nhất.

V.I. Lênin viết: Thắng lợi hoàn toàn của cách mạng hiện tại sẽ đánh dấu bước kết thúc của cách mạng dân chủ và mở đầu cho cuộc đấu tranh kiên quyết cho cách mạng xã hội chủ nghĩa.

V.I. Lênin cũng chỉ ra rằng, để thực hiện sự chuyển biến từ cách mạng dân chủ lên cách mạng xã hội chủ nghĩa phải có đủ ba điều kiện chủ yếu: Sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính đảng của nó được bảo đảm và không ngừng củng cố; khối liên minh công nông được giữ vững và phát triển trên cơ sở một đường lối thích hợp với từng giai đoạn cách mạng; chính quyền dân chủ cách mạng được củng cố để hoàn thành nhiệm vụ của nó ở giai đoạn thứ nhất, đồng thời chuẩn bị những điều kiện để chuyển sang giai đoạn thứ hai.

V.I. Lênin đã tiến hành cuộc đấu tranh chống khuynh hướng "tả" cũng như chống khuynh hướng hữu. Những người hữu khuynh thì muốn kìm hãm cuộc cách mạng trong khuôn khổ tư sản và muốn mở ra cả một kỷ nguyên cho chủ nghĩa tư bản thống trị lâu dài, trong đó giai cấp công nhân sẽ bị bóc lột một cách "êm dịu", còn giai cấp tư sản thì tha hồ làm giàu "một cách chính đáng". Những người "tả" khuynh, ngược lại, muốn lẫn tránh những yêu cầu dân chủ bức thiết bằng cách "xa lánh" cuộc cách mạng dân chủ tư sản để thực hiện tức khắc một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc

a) Vấn đề dân tộc thuộc địa

Hồ Chí Minh không bàn về vấn đề dân tộc nói chung. Xuất phát từ nhu cầu khách quan của dân tộc Việt Nam, đặc điểm của thời đại, Người dành sự quan tâm đến các

thuộc địa, vạch ra thực chất của vấn đề dân tộc ở thuộc địa là vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, xoá bỏ ách thống trị, áp bức, bóc lột của nước ngoài, giải phóng dân tộc, giành độc lập dân tộc, thực hiện quyền dân tộc tự quyết, thành lập nhà nước dân tộc độc lập.

Nếu như C. Mác bàn nhiều về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, V.I. Lênin bàn nhiều về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thì Hồ Chí Minh tập trung bàn về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. C. Mác và V.I. Lênin bàn nhiều về đấu tranh giai cấp ở các nước tư bản chủ nghĩa, thì Hồ Chí Minh bàn nhiều về đấu tranh giải phóng dân tộc ở thuộc địa.

Phương hướng phát triển của dân tộc quy định yêu cầu, nội dung trước mắt của cuộc đấu tranh giành độc lập. Mỗi phương hướng phát triển gắn liền với một hệ tư tưởng và một giai cấp nhất định. Từ thực tiễn phong trào cứu nước của ông cha và lịch sử nhân loại, Hồ Chí Minh khẳng định phương hướng phát triển của dân tộc trong bối cảnh thời đại mới là chủ nghĩa xã hội. Con đường đó phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể ở thuộc địa. Đó cũng là nét độc đáo, khác biệt với con đường phát triển của các dân tộc đã phát triển lên chủ nghĩa tư bản ở phương Tây.

Hồ Chí Minh tiếp cận vấn đề dân tộc từ quyền con người. Trân trọng quyền con người, Người đã tìm hiểu và tiếp nhận những nhân tố về quyền con người như quyền bình đẳng, quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc được nêu trong *Tuyên ngôn độc lập* năm

1776 của nước Mỹ, *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* năm 1791 của cách mạng Pháp. Người khẳng định "Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được".

Từ quyền con người, Hồ Chí Minh đã khái quát và nâng thành quyền dân tộc: "tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do"¹.

Nội dung của độc lập dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh gồm:

+ Độc lập, tự do là khát vọng lớn nhất của các dân tộc thuộc địa. Hồ Chí Minh nói: "Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn; đấy là tất cả những điều tôi hiểu"².

+ "*Quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy*". Tháng 5-1941, Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị Trung ương 8; viết thư *Kính cáo đồng bào*. Người chỉ rõ: "Trong lúc này *quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy*"³. Người đã chỉ đạo thành lập *Việt Nam độc lập đồng minh*, ra báo *Việt Nam độc lập*, thảo Mười chính sách lớn của Việt Minh, trong đó mục tiêu đầu tiên là: "Cờ treo độc lập, nền xây bình quyền".

+ Tháng 8-1945, khi thời cơ giành chính quyền đã đến, Người khẳng định quyết tâm giành độc lập, tự do cho dân tộc, nhân dân ta trong câu nói bất hủ: "dù hy sinh tới đâu,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t. 3, tr. 555.

2. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Trẻ - Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 52.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t. 3, tr. 198.

dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập!"¹.

+ "Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"². Khi đã giành được nền độc lập, Người khẳng định: "Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy"³.

Trong các thư và điện văn gửi tới Liên hợp quốc và chính phủ các nước vào thời gian sau Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh trình trọng tuyên bố: "...nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hòa bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước"⁴.

+ "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Khi đế quốc Mỹ điên cuồng mở rộng chiến tranh, ồ ạt đổ quân viễn chinh và phương tiện chiến tranh hiện đại vào miền Nam, tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc với quy mô và cường độ ngày càng ác liệt, Hồ Chí Minh nêu cao chân lý lớn nhất của thời đại: "*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*"⁵.

Khẩu hiệu hành động của dân tộc Việt Nam "*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*" đồng thời cũng là nguồn cổ vũ

1. Dẫn theo Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.224.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, tr.480.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.3, tr.557.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, tr.469.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.12, tr.108.

các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới đang đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Vì thế, Hồ Chí Minh không chỉ là "Anh hùng giải phóng dân tộc" của Việt Nam mà còn là "Người khởi xướng cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa trong thế kỷ XX".

Từ những năm 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã nhận thấy sự áp bức, bóc lột của chủ nghĩa đế quốc đối với các dân tộc thuộc địa càng nặng nề thì phản ứng của dân tộc bị áp bức càng quyết liệt. Không chỉ quần chúng lao động (công nhân và nông dân), mà cả các giai cấp và tầng lớp trên trong xã hội (tiểu tư sản, tư sản và địa chủ) đều phải chịu nỗi nhục của người dân mất nước, của một dân tộc mất độc lập, tự do.

Cùng với sự kết án chủ nghĩa thực dân và cổ vũ các dân tộc thuộc địa vùng dậy đấu tranh, Hồ Chí Minh khẳng định: Đối với các dân tộc thuộc địa ở phương Đông, "Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước"¹. Người viết: "... người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ"². Người kiến nghị về Cương lĩnh hành động của Quốc tế Cộng sản là: "Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản... Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi... nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế"³.

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.1, tr.466, 467, 467.

Hồ Chí Minh thấy rõ sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc ở chủ nghĩa yêu nước chân chính và tinh thần dân tộc của các dân tộc thuộc địa. Đó là sức mạnh chiến đấu và thắng lợi trước bất cứ thế lực ngoại xâm nào. Người coi đó là "một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời".

b) Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp

Hồ Chí Minh luôn đứng trên quan điểm giai cấp để nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc. Sự kết hợp nhuần nhuyễn vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc trong tư tưởng của Hồ Chí Minh thể hiện ở các điểm sau:

- Khẳng định vai trò lịch sử của giai cấp công nhân và quyền lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản trong quá trình cách mạng Việt Nam.

- Chủ trương đại đoàn kết dân tộc rộng rãi trên nền tảng liên minh công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để chống lại bạo lực phản cách mạng của kẻ thù; thiết lập chính quyền nhà nước của dân, do dân, vì dân, gắn kết mục tiêu độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Từ năm 1920, khi đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin, Hồ Chí Minh xác định con đường cứu nước là: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Ở Hồ Chí Minh có sự gắn bó thống nhất giữa dân tộc và giai cấp, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh khẳng định con đường đó vì Người coi: "nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì

độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì"¹. Sau khi giành độc lập, phải tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cho dân giàu, nước mạnh, mọi người được sung sướng, tự do. Người khẳng định: "Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, vì có tiến lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mình mỗi ngày một no ấm thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm"².

Năm 1960, Người nói: "... chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"³.

Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm giai cấp, đồng thời đặt vấn đề giai cấp trong vấn đề dân tộc. Giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân là điều kiện để giải phóng giai cấp. Vì thế, trong cách mạng giải phóng dân tộc, lợi ích của giai cấp phải phục tùng lợi ích của dân tộc.

Trong cao trào giải phóng dân tộc, vấn đề dân tộc phải được ưu tiên. Năm 1941, Người khẳng định: "Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, tr.56.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.9, tr. 173.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10, tr.128.

ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được"¹.

Đồng thời, trong tư tưởng Hồ Chí Minh đã thể hiện rõ quan điểm giải phóng giai cấp, thực hiện mục tiêu lâu dài của cuộc cách mạng để xóa bỏ triệt để sự bất bình đẳng và ách áp bức của dân tộc này với dân tộc khác. Độc lập dân tộc phải gắn liền với tự do, hạnh phúc của nhân dân.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc mang tính khoa học và cách mạng sâu sắc, thể hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa dân tộc và giai cấp, chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Đúng như Ph. Ăngghen đã từng nói: Những tư tưởng dân tộc chân chính trong phong trào công nhân bao giờ cũng là những tư tưởng quốc tế chân chính.

Nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, thực hiện nguyên tắc về quyền dân tộc tự quyết, Hồ Chí Minh không quên nghĩa vụ quốc tế, ủng hộ các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới. Người đề ra khẩu hiệu "giúp bạn là tự giúp mình" và chủ trương phải bằng thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà đóng góp vào thắng lợi chung của cách mạng thế giới.

Người nhiệt liệt ủng hộ cuộc kháng chiến chống Nhật của nhân dân Trung Quốc, các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược của nhân dân Lào và Campuchia, ủng hộ phong trào cách mạng của nhân dân các dân tộc trên thế giới.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.113.

c) Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc

Hồ Chí Minh chỉ rõ sự phân hóa giai cấp ở các nước thuộc địa phương Đông không giống như ở các nước tư bản phương Tây. Các giai cấp ở thuộc địa có vị trí khác nhau ít nhiều, nhưng đều chung một số phận mất nước, giữa họ vẫn có sự tương đồng lớn. Nếu như mâu thuẫn chủ yếu ở các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây là mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, thì mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội thuộc địa phương Đông là mâu thuẫn giữa dân tộc bị áp bức với chủ nghĩa thực dân.

Yêu cầu bức thiết của nhân dân các nước thuộc địa là độc lập dân tộc. Đối tượng trực tiếp của cách mạng ở thuộc địa không phải là giai cấp tư sản bản xứ, giai cấp địa chủ nói chung, mà là chủ nghĩa thực dân và bọn tay sai phản động. Cách mạng ở thuộc địa trước hết phải "lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc", chứ chưa phải là cuộc cách mạng xóa bỏ ngay toàn bộ sự tư hữu, sự bóc lột nói chung.

Mâu thuẫn chủ yếu ở thuộc địa là mâu thuẫn dân tộc, nó quy định tính chất và nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng ở thuộc địa là giải phóng dân tộc. Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc phân biệt ba loại cách mạng: cách mạng tư sản, cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc. Người nhấn mạnh tính chất và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là cách mạng giải phóng dân tộc.

Trong các văn kiện do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng đã xác định

nhiệm vụ nổi lên hàng đầu là nhiệm vụ chống đế quốc, giành độc lập dân tộc. Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 5-1941) do Người chủ trì đã chủ trương tạm gác khẩu hiệu "cách mạng ruộng đất" và chỉ tiến hành nhiệm vụ đó ở một mức độ thích hợp nhằm phục vụ cho nhiệm vụ giải phóng dân tộc.

Cách mạng giải phóng dân tộc nhằm đánh đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc và thiết lập chính quyền của nhân dân. Do vậy, mục tiêu cấp thiết của cách mạng ở thuộc địa chưa phải là giành quyền lợi riêng biệt của mỗi giai cấp, mà là quyền lợi chung của toàn dân tộc.

Mục tiêu của chiến lược đấu tranh giải phóng dân tộc đáp ứng nguyện vọng độc lập, tự do của quần chúng nhân dân; phù hợp với xu thế của thời đại cách mạng vô sản, chống đế quốc và giải phóng dân tộc.

Thực tế đã khẳng định sự đúng đắn của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề giải phóng dân tộc. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945 cũng như những thắng lợi trong 30 năm đấu tranh 1945-1975, trước hết là thắng lợi của đường lối cách mạng giải phóng dân tộc và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới đã chứng minh sự đúng đắn đó.

d) Mối quan hệ giữa cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng xã hội chủ nghĩa

Để giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của thực dân Pháp, ông cha ta đã sử dụng nhiều con đường gắn với những khuynh hướng chính trị khác nhau, tư tưởng khác

nhau, từ phong kiến đến dân chủ tư sản. Tất cả các phong trào cứu nước ở cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, mặc dù đã diễn ra vô cùng anh dũng, nhưng rốt cuộc đều thất bại. Đất nước lâm vào "tình hình đen tối tưởng như không có đường ra". Đó là tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước, đặt ra yêu cầu bức thiết phải tìm một con đường cứu nước mới.

Nghiên cứu các phong trào cứu nước của ông cha, Hồ Chí Minh nhận thấy nguyên nhân thất bại của các con đường cứu nước trước đó. Chính vì thế, mặc dù rất khâm phục tinh thần cứu nước của ông cha, nhưng Hồ Chí Minh không tán thành các con đường của họ, quyết tâm ra đi tìm con đường cứu nước mới.

Trong khoảng 10 năm bôn ba, qua nhiều châu lục và quốc gia trên thế giới, Hồ Chí Minh đã kết hợp tìm hiểu lý luận và khảo sát thực tiễn, nhất là ở ba nước tư bản phát triển: Anh, Pháp, Mỹ. Người đọc *Tuyên ngôn độc lập* năm 1976 của nước Mỹ, tìm hiểu thực tiễn cuộc cách mạng tư sản Mỹ; đọc *Tuyên ngôn dân quyền và nhân quyền* năm 1791 của cách mạng Pháp, tìm hiểu cách mạng tư sản Pháp. Người nhận thấy: "Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước đoạt công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa"¹.

Hồ Chí Minh thấy được Cách mạng Tháng Mười Nga không chỉ là một cuộc cách mạng vô sản, mà còn là một

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, tr.274.

cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Nó nêu tấm gương sáng về sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa và "mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc"¹.

Nghiên cứu lý luận của V.I. Lênin về phương hướng mới để giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh viết: "*Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc*; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới"².

Đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin và lựa chọn khuynh hướng chính trị vô sản, Người khẳng định: "*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*"³...; "... chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"⁴.

Tiếp thu lý luận Mác - Lênin, Hồ Chí Minh thấm nhuần lý luận về đảng chính trị trong cuộc đấu tranh giai cấp. Người viết: Muốn làm cách mệnh, "trước phải làm cho dân giác ngộ... phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu"⁵; "Vậy nên sức cách mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có đảng cách mệnh"⁶.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.8, tr.562.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.1, tr.416.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.9, tr.314.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10, tr.128.

5, 6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, tr.267.

Năm 1924, khi nói về khởi nghĩa vũ trang toàn dân, Hồ Chí Minh cho rằng: "Để có cơ thắng lợi, một cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương:... Phải có tính chất một cuộc khởi nghĩa quần chúng chứ không phải một cuộc nổi loạn. Cuộc khởi nghĩa phải được chuẩn bị trong quần chúng..."¹.

Hồ Chí Minh nghiêm khắc phê phán việc lấy ám sát cá nhân và bạo động non làm phương thức hành động, "hoặc xúi dân bạo động mà không bày cách tổ chức; hoặc làm cho dân quen ỷ lại, mà quên tính tự cường". Người khẳng định: cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người².

Từ quan điểm đó, Hồ Chí Minh luôn luôn lấy nhân dân làm nguồn sức mạnh: "Lấy dân làm gốc". Người coi "Có dân là có tất cả" và thường nhắc đến câu "Để mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong". Khi còn hoạt động ở nước ngoài, Hồ Chí Minh nói: "Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập"³.

Trong lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của quần chúng nhân dân. Người coi sức mạnh vĩ đại và năng lực sáng tạo vô tận của quần chúng là then chốt bảo đảm thắng lợi. Người khẳng định: "Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại"⁴;

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.1, tr.468-469.

2. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, tr.261-262.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.1, tr.192.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, tr.274.

"Phải dựa vào dân, không được xa rời dân. Nếu không thế thì sẽ thất bại"¹; "chúng ta tin chắc vào tinh thần và lực lượng của quần chúng, của dân tộc"².

Dưới chế độ cai trị của thực dân Pháp, từ một xã hội phong kiến thuần túy, Việt Nam biến thành một xã hội thuộc địa nửa phong kiến. Ngoài các giai cấp công nhân và nông dân, giai cấp tư sản dân tộc và một bộ phận địa chủ vừa và nhỏ, dù có mặt hạn chế trong quan hệ với quần chúng lao động, nhưng trong quan hệ với thực dân Pháp thì họ cũng là những người Việt Nam chịu nổi nhục mất nước, có khả năng tham gia phong trào giải phóng dân tộc. Hồ Chí Minh phân tích: "... dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền"³.

Trong *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt*, Người xác định lực lượng cách mạng bao gồm cả dân tộc: Đảng phải tập hợp đại bộ phận giai cấp công nhân, tập hợp đại bộ phận giai cấp nông dân và phải dựa vào hạng dân cày nghèo, lãnh đạo nông dân làm cách mạng ruộng đất; lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông... đi vào phe vô sản giai cấp; đối với phú nông, *trung, tiểu địa chủ* và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít nhất là làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (như Đảng Lập hiến) thì phải đánh đổ⁴.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.6, tr.366, 164.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, tr.266.

4. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.3, tr.3.

Trong lực lượng toàn dân tộc, Hồ Chí Minh hết sức nhấn mạnh *vai trò động lực cách mạng của công nhân và nông dân*. Người phân tích: các giai cấp công nhân và nông dân có số lượng đông nhất nên có sức mạnh lớn nhất. Họ lại bị áp bức bóc lột nặng nề nhất nên "lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết... công nông là tay không chân rồi, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới, cho nên họ gan góc"¹. Từ đó, Người khẳng định: công nông "là gốc cách mệnh"².

Trong khi hết sức nhấn mạnh vai trò của công nhân và nông dân, Hồ Chí Minh không coi nhẹ khả năng tham gia sự nghiệp giải phóng dân tộc của các giai cấp và tầng lớp khác. Người coi tiểu tư sản, tư sản dân tộc và một bộ phận giai cấp địa chủ là bạn đồng minh của cách mạng. Người chỉ rõ: "... học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ cũng bị tư bản áp bức, song không cực khổ bằng công nông; ba hạng ấy chỉ là bầu bạn cách mệnh của công nông thôi"³.

Khi chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn độc quyền (đế quốc chủ nghĩa), có yêu cầu rất bức thiết về thị trường. Đó là nguyên nhân sâu xa dẫn tới sự xâm lược, đô hộ thuộc địa của các nước đế quốc và làm xuất hiện phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới.

Trong điều kiện đó, vai trò của thuộc địa và cách mạng ở thuộc địa tăng lên. Theo Hồ Chí Minh, các nước thuộc địa trở thành một trong những nguồn nuôi sống chủ nghĩa

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, tr.266.

đế quốc. Người khẳng định: "... tất cả sinh lực của chủ nghĩa tư bản quốc tế đều lấy ở các xứ thuộc địa. Đó là nơi chủ nghĩa tư bản lấy nguyên liệu cho các nhà máy của nó, nơi nó đầu tư, tiêu thụ hàng, mộ nhân công rẻ mạt cho đạo quân lao động của nó, và nhất là tuyển những binh lính bản xứ cho các đạo quân phản cách mạng của nó"¹; "... nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa"².

Hồ Chí Minh thẳng thắn phê bình một số đảng cộng sản không thấy được vấn đề quan trọng đó. Người chỉ rõ: "Bàn về khả năng và các biện pháp thực hiện cách mạng, đề ra kế hoạch của cuộc chiến đấu sắp tới, các đồng chí Anh và Pháp cũng như các đồng chí ở các đảng khác hoàn toàn bỏ qua luận điểm cực kỳ quan trọng có tính chiến lược này. Chính vì thế, tôi hết sức kêu gọi các đồng chí: Hãy chú ý!"³.

Trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, việc thức tỉnh và đoàn kết nhân dân các dân tộc thuộc địa đóng vai trò rất to lớn. Theo Hồ Chí Minh, phải "Làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một Liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản"⁴.

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.1, tr.243, 274, 275.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, tr.124.

Hồ Chí Minh khẳng định *công cuộc giải phóng nhân dân thuộc địa chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực tự giải phóng*.

Vận dụng công thức của C.Mác: "Sự giải phóng của giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân"¹, Hồ Chí Minh kết luận: "công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em"².

Trong thực tiễn, Người chủ trương phát huy nỗ lực chủ quan của dân tộc, tránh tư tưởng bị động, trông chờ vào sự giúp đỡ bên ngoài. Tháng 8-1945, khi thời cơ cách mạng xuất hiện, Người kêu gọi: "Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta"³. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Người nói: "Kháng chiến trường kỳ gian khổ *đồng thời lại phải tự lực cánh sinh*. Trông vào sức mình... Cố nhiên sự giúp đỡ của các nước bạn là quan trọng, nhưng không được ỷ lại, không được ngồi mong chờ người khác. Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập"⁴.

Vào đầu thế kỷ XX, trong phong trào cộng sản quốc tế đã từng tồn tại quan điểm xem thắng lợi của cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính quốc. Quan điểm này, vô hình trung đã làm giảm

1. Dẫn theo Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t. 2, tr. 128.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, tr.128.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.3, tr.554.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.6, tr.522.

tính chủ động, sáng tạo của các phong trào cách mạng ở thuộc địa. Theo Hồ Chí Minh, giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ mật thiết với nhau, tác động qua lại lẫn nhau, cùng đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc. Đó là mối quan hệ bình đẳng chứ không phải là quan hệ phụ thuộc, hoặc quan hệ chính - phụ.

Từ nhận thức đúng đắn đó, Hồ Chí Minh đi đến luận điểm về khả năng giành thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc. Người khẳng định: *cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa có thể giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc*. Đây là luận điểm sáng tạo, có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn; một cống hiến rất quan trọng của Hồ Chí Minh vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Luận điểm này đã được thắng lợi của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc trên toàn thế giới trong gần một thế kỷ qua chứng minh là hoàn toàn đúng đắn.

Sự cần thiết của bạo lực cách mạng bắt nguồn từ chính bản chất bạo lực phản cách mạng của chủ nghĩa thực dân. Theo Hồ Chí Minh, các thế lực đế quốc sử dụng bạo lực để xâm lược và thống trị thuộc địa, đàn áp dã man các phong trào yêu nước. Người viết: "Chế độ thực dân, tự bản thân nó, đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu rồi"¹. Từ bản chất cực kỳ phản động của chủ nghĩa thực dân, đế quốc, Hồ Chí Minh vạch rõ *tinh tât yếu của*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.1, tr.96.

bạo lực cách mạng: "Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và của dân tộc, cần dùng *bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền*"¹. Chưa đánh bại được lực lượng và đè bẹp ý chí xâm lược của chúng thì chưa thể có thắng lợi hoàn toàn.

Bản chất của bạo lực cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh là bạo lực của quần chúng. Quán triệt quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, coi sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, Hồ Chí Minh cho rằng *bạo lực cách mạng là bạo lực của quần chúng*. Trong thời kỳ vận động giải phóng dân tộc, cơ sở của bạo lực cách mạng bao gồm hai lực lượng: lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân. Mặt trận Việt Minh là tổ chức tập hợp, giác ngộ và rèn luyện lực lượng chính trị quần chúng, một lực lượng cơ bản và giữ vai trò quyết định trong tổng khởi nghĩa vũ trang.

Hình thức tiến hành bạo lực cách mạng bao gồm cả đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang. Phải "Tùy tình hình cụ thể mà quyết định những hình thức đấu tranh cách mạng thích hợp, sử dụng đúng và khéo kết hợp các hình thức đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị để giành thắng lợi cho cách mạng"².

Trong Cách mạng Tháng Tám 1945, bạo lực thể hiện bằng khởi nghĩa vũ trang với lực lượng chính trị là chủ

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.12, tr.304.

yếu. Đó là công cụ để đập tan chính quyền của phátxít Nhật và tay sai, giành chính quyền về tay nhân dân.

Trong chiến tranh cách mạng, lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang giữ vị trí quyết định trong việc tiêu diệt lực lượng quân sự địch, làm thất bại những âm mưu quân sự và chính trị của chúng. Nhưng đấu tranh vũ trang không tách biệt với đấu tranh chính trị. Theo Hồ Chí Minh, các đoàn thể cách mạng càng phát triển, quần chúng đấu tranh chính trị càng mạnh thì càng có cơ sở vững chắc để tổ chức lực lượng vũ trang và tiến hành đấu tranh vũ trang.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về bạo lực cách mạng khác hẳn tư tưởng hiếu chiến của các thế lực đế quốc xâm lược. Xuất phát từ tình yêu thương con người, quý trọng sinh mạng con người, Hồ Chí Minh luôn tranh thủ khả năng giành và giữ chính quyền ít đổ máu nhất. Người tìm mọi cách ngăn chặn xung đột vũ trang, *tận dụng mọi khả năng giải quyết xung đột bằng biện pháp hòa bình*, chủ động đàm phán, thương lượng, chấp nhận những nhượng bộ có nguyên tắc. *Việc tiến hành chiến tranh chỉ là giải pháp bất buộc cuối cùng*. Trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Người chỉ rõ: "Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa"¹, là nguyên nhân phải tiến hành kháng chiến.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, tr.480.

Tư tưởng bạo lực cách mạng và tư tưởng nhân đạo hòa bình trong tư tưởng Hồ Chí Minh thống nhất biện chứng với nhau. Yêu thương con người, yêu chuộng hòa bình, tự do, công lý, tranh thủ mọi khả năng hòa bình để giải quyết xung đột, nhưng một khi không thể tránh khỏi chiến tranh thì phải kiên quyết tiến hành chiến tranh, kiên quyết dùng bạo lực cách mạng, dùng khởi nghĩa và chiến tranh cách mạng để giành, giữ độc lập, tự do và hòa bình.

Người chỉ ra đánh giặc không phải là tiêu diệt lực lượng, mà là đánh bại ý chí xâm lược của chúng, kết hợp giành thắng lợi về quân sự với giải pháp ngoại giao để kết thúc chiến tranh.

Theo Hồ Chí Minh, trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc "lực lượng chính là ở dân". Người chủ trương tiến hành khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân. Chiến tranh nhân dân là dựa vào lực lượng toàn dân, có lực lượng vũ trang làm nòng cốt, đấu tranh toàn diện với kẻ thù, thực hiện tư tưởng chiến lược tiến công, phương châm chiến lược đánh lâu dài và dựa vào sức mình là chính. Hồ Chí Minh nói: "Không dùng toàn lực của nhân dân về đủ mọi mặt để ứng phó, không thể nào thắng lợi được"¹.

Nét nổi bật, đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về hình thái của bạo lực cách mạng là tư tưởng chiến tranh toàn dân, toàn diện, trường kỳ.

Tiến hành chiến tranh toàn diện là coi "quân sự là việc chủ chốt", nhưng đồng thời phải kết hợp chặt chẽ với đấu

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, tr.298.

tranh chính trị. "Thắng lợi quân sự đem lại thắng lợi chính trị, thắng lợi chính trị sẽ làm cho thắng lợi quân sự to lớn hơn"¹. Đấu tranh ngoại giao cũng là một mặt trận có ý nghĩa chiến lược, có tác dụng thêm bạn bớt thù, phân hóa và cô lập kẻ thù, phát huy yếu tố chính nghĩa của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của quốc tế. Đấu tranh kinh tế là ra sức tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, phát triển kinh tế của ta, phá hoại kinh tế của địch. Người kêu gọi "hậu phương thi đua với tiền phương", coi "ruộng rẫy là chiến trường, cuốc cày là vũ khí, nhà nông là chiến sĩ", "tay cày tay súng, tay búa tay súng, ra sức phát triển sản xuất để phục vụ kháng chiến". Chiến tranh về mặt văn hóa hay tư tưởng so với những mặt khác cũng không kém quan trọng.

Mục đích của chiến tranh chính nghĩa là vì độc lập, tự do đã làm cho khả năng tiến hành chiến tranh nhân dân trở thành hiện thực, động viên được toàn dân tự giác tham gia kháng chiến.

Trước những kẻ thù lớn mạnh, Hồ Chí Minh chủ trương sử dụng phương châm chiến lược đánh lâu dài, "trường kỳ kháng chiến".

Tự lực cánh sinh là một phương châm chiến lược rất quan trọng, nhằm phát huy cao độ nguồn sức mạnh chủ quan, tránh tư tưởng bị động, trông chờ vào sự giúp đỡ bên

1. *Hồ Chí Minh với các lực lượng vũ trang nhân dân*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1975, tr.148.

ngoài. Hồ Chí Minh luôn đề cao sức mạnh bên trong, phát huy đến mức cao nhất mọi nỗ lực của dân tộc, đề cao tinh thần độc lập, tự chủ.

Độc lập, tự chủ, tự lực tự cường kết hợp với tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế là một quan điểm nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc và chiến tranh cách mạng. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Người đã động viên sức mạnh của toàn dân tộc, đồng thời ra sức vận động, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế to lớn và có hiệu quả cả về vật chất và tinh thần, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để kháng chiến thắng lợi.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc có những luận điểm sáng tạo, đặc sắc, có giá trị lý luận và thực tiễn lớn, làm phong phú học thuyết Mác - Lênin về cách mạng thuộc địa.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc soi đường cho thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và 30 năm đấu tranh cách mạng 1945-1975 đã chứng minh tinh thần độc lập, tự chủ, tính khoa học, tính cách mạng và sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường giải phóng dân tộc ở Việt Nam, soi đường cho dân tộc Việt Nam tiến lên, cùng nhân loại biến thế kỷ XX thành *thế kỷ đấu tranh xóa bỏ chủ nghĩa thực dân* trên toàn thế giới.

II. QUÁ TRÌNH CHUYỂN BIẾN TỪ CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÊN CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

1. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam

Ngay từ những thập niên đầu thế kỷ XX, khi nước ta là nước thuộc địa nửa phong kiến, vấn đề giải phóng dân tộc khỏi ách áp bức, bóc lột của thực dân phong kiến đã là vấn đề to lớn, bức xúc nhất của nhân dân ta.

Cứu nước là đề tài bao trùm và thôi thúc nhiều thế hệ Việt Nam trên con đường bảo vệ sự sống còn của dân tộc mình.

Các sĩ phu yêu nước - những phần tử ưu tú nhất của chế độ phong kiến - là những người đầu tiên thể nghiệm con đường cứu nước theo ngọn cờ "Cần vương". Nhân dân ta mãi mãi ghi nhớ tấm lòng yêu nước, tấm gương xả thân của nhiều người trong số họ. Nhưng sự nghiệp cứu nước của họ đã không thành công, bởi vì ý thức hệ phong kiến - Nho giáo mà họ lấy làm nền tảng tư tưởng đã quá lỗi thời. Chủ trương đánh đuổi thực dân để phục hồi chế độ phong kiến quân chủ được xây dựng và duy trì trên cơ sở nền nông nghiệp lạc hậu, không thể tạo nên cho họ sức mạnh để chiến thắng chủ nghĩa thực dân xâm lược đã ở trình độ tư bản chủ nghĩa.

Tiếp đó là những phong trào đấu tranh theo ý thức hệ quốc gia tư sản hoặc tiểu tư sản của các nhà yêu nước như Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Học, v.v..

Các phong trào này đã mang lại những nội dung mới về con đường giải phóng đất nước, cụ thể là đã đặt vấn đề giành độc lập cho đất nước từ sự thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp để đưa đất nước phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa như tấm gương của các nước phương Tây hay Nhật Bản. Các phong trào này đã góp một phần nhất định vào việc thức tỉnh và nâng cao dân trí, nhưng do sự hạn chế của ý thức hệ tư sản mang tính cải lương, cho nên, *một mặt* không đáp ứng được đầy đủ những yêu cầu dân tộc, dân chủ bức thiết của đông đảo nhân dân lao động nước ta; *mặt khác*, tỏ ra bất cập so với thời đại, khi mà Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga (1917) đã thức tỉnh các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, mở cho họ con đường giải phóng, bỏ qua giai đoạn thống trị của chế độ tư bản để từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trong thực tế, những yêu cầu dân tộc, dân chủ của nhân dân ta lúc đó - xét cả về chiều rộng và chiều sâu - đã vượt ra ngoài sự hạn hẹp của các cương lĩnh tư sản và đòi hỏi phải được giải quyết theo một đường lối cách mạng triệt để mang định hướng xã hội chủ nghĩa. Xu hướng ấy thể hiện thành nguyện vọng, nhu cầu bức thiết của các giai cấp và các tầng lớp xã hội cơ bản ở nước ta.

Giai cấp công nhân nước ta, cho đến lúc đó, tuy số lượng không đông, nhưng sinh ra và lớn lên trong một nước thuộc địa nửa phong kiến, bị ba tầng áp bức, bóc lột là đế quốc, địa chủ, tư sản. Nỗi uất hận của người dân nô lệ mất nước bên cạnh mối thù của người lao động bị bóc lột

đã sớm dẫn giai cấp công nhân Việt Nam đến sự trưởng thành về ý thức dân tộc và ý thức giai cấp, tạo nên ở giai cấp này sự nhạy cảm trong nhận thức về mối quan hệ giữa cuộc đấu tranh giải phóng toàn dân tộc với cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp mình. Dĩ nhiên, lúc đầu điều đó biểu hiện dưới dạng tự phát, nhưng kể từ khi giai cấp công nhân Việt Nam tổ chức được chính đảng của mình, điều đó trở thành nhận thức tự giác. Đó là nguyên nhân sâu xa làm cho giai cấp công nhân Việt Nam không trải qua thời kỳ đấu tranh dưới ngọn cờ của giai cấp tư sản, mà sớm lãnh đạo phong trào độc lập với những yêu sách riêng, trong đó nêu cao ngọn cờ độc lập dân tộc, dân chủ mang tính triệt để và hướng tới chủ nghĩa xã hội.

Ở các vùng nông thôn, nông dân (chiếm trên 90% dân số) bị phân hoá sâu sắc. Sự bóc lột theo kiểu thực dân kết hợp với kiểu bóc lột phong kiến trung cổ đã đẩy nông dân vào tình trạng vô cùng cực khổ. Một bộ phận khá đông nông dân bị tước đoạt hết ruộng đất, phải đi lang thang kiếm ăn, sa vào cạm bẫy thực dân và trở thành người vô sản. Nhưng ở Việt Nam, thời kỳ này, ngay cả con đường vô sản hoá của người nông dân cũng mang nét đặc thù do chính sách bóc lột theo lối "thuộc địa nửa phong kiến" của thực dân Pháp và giai cấp địa chủ gây ra. *Một mặt*, bị thực dân Pháp chèn ép; *mặt khác*, vấp phải sự cản trở của thế lực phong kiến, nền công nghiệp phát triển rất yếu ớt, không thể thu hút hết số nông dân bị phá sản từ nông thôn kéo ra thành thị, khiến họ phải sống vất vưởng,

không có lối thoát. Cơ chế bóc lột kiểu thực dân phong kiến - trong đó quyền lực thực dân trùm lên quyền lực phong kiến - đã đặt người nông dân, cùng một lúc đứng trước hai kẻ thù là thực dân và địa chủ phong kiến, đồng thời cũng tự nhiên gấn bó hơn nữa số phận người nông dân vào vận mệnh dân tộc, làm xích lại trong họ nguyện vọng giành lấy quyền dân chủ (trước hết là ruộng đất) với nguyện vọng giải phóng dân tộc. Xét từ giác độ ấy, nguyện vọng dân tộc, dân chủ của nông dân đã có những nội dung mới, vượt ra ngoài khuôn khổ của các cương lĩnh tư sản và gấn gũi hơn với lập trường của giai cấp công nhân.

Cùng với công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở nước ta, các thành thị ít nhiều được mở rộng, làm cho tầng lớp tiểu tư sản tăng lên về số lượng. Ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, tầng lớp này bị thực dân, phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề cả về vật chất lẫn tinh thần. Những người tiểu tư sản học sinh, trí thức lại có một trình độ văn hoá để hiểu biết các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu những giá trị tiến bộ từ nước ngoài. Cùng với giai cấp công nhân và giai cấp nông dân, tầng lớp tiểu tư sản ngay từ đầu đã tham gia phong trào đấu tranh vì độc lập dân tộc và dân chủ hướng tới chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Như vậy, có thể nói trong xã hội thuộc địa nửa phong kiến, những yêu cầu dân tộc, dân chủ của công nhân, nông dân, tiểu tư sản - tức là của đại đa số dân cư - đã theo con đường diễn biến tự thân mà hướng tới chủ nghĩa xã hội.

Chính từ thực tiễn nước ta và thực tiễn của các nước thuộc địa, phụ thuộc như nước ta, ngay từ năm 1921, Hồ Chí Minh đã nêu một nhận xét quan trọng: "Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi"¹.

Đảng ta, ngay từ khi ra đời, đã ghi nhận đầy đủ không chỉ nhu cầu khách quan của xã hội lúc đó, mà còn khẳng định đúng quá trình phát triển hợp quy luật của nó theo định hướng xã hội chủ nghĩa. *Chánh cương vắn tắt của Đảng* ghi rõ: "... làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"².

Lần đầu tiên trong lịch sử nước ta, sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc được nâng lên trình độ một cuộc cách mạng xã hội. Cuộc cách mạng này kết hợp trong bản thân nó tiến trình của hai sự nghiệp giải phóng - giải phóng dân tộc bị áp bức và giải phóng giai cấp những người lao động bị bóc lột.

Nguồn sức mạnh đưa tới sự phục hồi và phát triển của cách mạng Việt Nam - sau thời gian bị chìm lắng do thất bại của phong trào kháng Pháp mà đại diện của các giai cấp phong kiến, tư sản lãnh đạo - là ở chỗ lần này mục tiêu dân tộc không tách rời mục tiêu dân chủ trên cơ sở định hướng xã hội chủ nghĩa.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.1, tr.28.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.3, tr.1.

2. Quá trình chuyển biến từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân lên cách mạng xã hội chủ nghĩa

Sau thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám, thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta một lần nữa; sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (tức là tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng) ở nước ta có nét đặc trưng nổi bật là kết hợp nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Kháng chiến phải đi đôi với kiến quốc. Kháng chiến có thắng lợi thì kiến quốc mới thành công. Kiến quốc có chắc thành công, kháng chiến mới mau thắng lợi"¹.

Thành tựu của kháng chiến là: Lực lượng của ta từ yếu trở thành mạnh. Nhờ sức mạnh tự cường cùng với sự giúp đỡ quốc tế to lớn, nhân dân ta đã đi tới chiến thắng Điện Biên Phủ, giải phóng miền Bắc (1954) và với Đại thắng mùa Xuân (1975) giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Thành tựu của kiến quốc là: Đã xây dựng một nền kinh tế dân tộc dân chủ trong đó có những nhân tố đầu tiên của chủ nghĩa xã hội. Nền kinh tế ấy bảo đảm cho nhân dân ta "tự lực cánh sinh" trong suốt những năm kháng chiến và tạo nên những dấu ấn sâu sắc cải tạo nền kinh tế nô dịch thực dân.

Đã xây dựng và từng bước củng cố hệ thống chính quyền dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, tr.99.

chất là một thiết chế chính trị dân chủ kiểu mới, mà chỉ có nó mới có thể xoá bỏ được những xiềng xích hữu hình và vô hình do chế độ thực dân, phong kiến duy trì hàng thế kỷ, đem lại những quyền lợi chính trị chưa từng có cho nhân dân.

Nền văn hoá dân tộc dân chủ nhân dân phát triển theo các nguyên tắc dân tộc, khoa học, đại chúng đã có vai trò to lớn nâng cao dân trí, khôi phục sức sống tinh thần của dân tộc đã từng bị xuyên tạc trong môi trường của chính sách "ngu dân" mà kẻ thù xâm lược thực hiện hàng trăm năm, khơi dậy những truyền thống ngàn năm của dân tộc, hướng tới sự tiến bộ.

Trước khi đạt được những thắng lợi có tính bước ngoặt trong đấu tranh giải phóng dân tộc trên phạm vi cả nước, miền Bắc đã có trên 20 năm cải tạo xã hội cũ và từng bước xây dựng các mặt khác nhau của xã hội mới.

Ở miền Nam, sở hữu phong kiến cơ bản được giải quyết trước khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giành thắng lợi, trong những năm hoà bình được lập lại, việc điều chỉnh ruộng đất ở nông thôn đã hoàn thiện thêm một bước trong việc thực hiện nhiệm vụ dân chủ đó.

Từ đỉnh cao của các thành tựu nêu trên, mục tiêu chủ nghĩa xã hội không còn bị tách biệt bởi một "bức tường thành". Bao trùm lên tất cả, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã tạo nên những điều kiện vật chất và tinh thần để nước ta chuyển sang chặng đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Nền độc lập dân tộc cần được giữ gìn, củng cố và phát huy trên cơ sở những thành tựu của chủ nghĩa xã hội. Những nhiệm vụ dân chủ - trên mức độ những thành tựu đã đạt được - cho phép, đồng thời đòi hỏi vượt qua những thử nghiệm đầu tiên về chủ nghĩa xã hội và từng bước phát triển trên quy mô rộng lớn hơn. Bởi vì, dân chủ chỉ có thể phát huy đầy đủ trong môi trường của chủ nghĩa xã hội, còn chủ nghĩa xã hội thì không thể nảy sinh và phát triển bên ngoài những thành tựu về dân chủ.

Trong bối cảnh và xu thế đó, sự khẳng định con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội không chỉ đặt cách mạng nước ta vào đúng dòng chuyển động liên tục của lịch sử cách mạng nước ta, mà còn phù hợp với xu thế của loài người "đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội"¹.

Bên cạnh những thành tựu cực kỳ to lớn, khoảng thời gian những năm 1976-1986, Đảng ta mắc phải một số thiếu sót biểu hiện của chủ quan duy ý chí. Những thiếu sót đó, Đảng ta đã phát hiện, và kể từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, đã khắc phục có hiệu quả trong công cuộc đổi mới. Sự khắc phục đó không phủ định mục tiêu xã hội chủ nghĩa, ngược lại nó đòi hỏi khẳng định dứt khoát mục tiêu đó và gắn bó hơn nữa nhiệm vụ củng cố độc lập dân tộc, phát triển dân chủ vào định hướng xã hội chủ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.76.

nghĩa trong từng biện pháp, trong mỗi chặng đường của cách mạng nước ta.

Cuộc khủng hoảng và sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến một bộ phận cán bộ và nhân dân ta. Từ tâm lý hoang mang, có người đề xuất hướng "quay ngược" về chủ nghĩa tư bản. Bị hấp dẫn bởi tấm gương của những "con rồng châu Á", họ ra sức ca ngợi chủ nghĩa tư bản và muốn biến việc sử dụng những thành tựu, biện pháp còn hữu ích của chủ nghĩa tư bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội thành mục tiêu phát triển chủ nghĩa tư bản như một chế độ chính trị.

Tính thiếu căn cứ của xu hướng này bộc lộ ngay trong hiện thực cuộc sống. Nếu như ngay cả ở những nước tư bản chủ nghĩa phát triển cao nhất hiện nay, đại đa số người lao động vẫn trong tình trạng bị áp bức, bóc lột, thì điều đó có nghĩa là con đường tư bản chủ nghĩa không thể đáp ứng những yêu cầu về dân tộc, dân chủ của nhân dân ta. Thực tế là hàng trăm nước thuộc "thế giới thứ ba" vẫn đang trong tình trạng lạc hậu và phụ thuộc nặng nề vào các nước tư bản chủ nghĩa phát triển. Ở các nước đó, nhân dân lao động không thể tìm thấy độc lập, dân chủ trong khuôn khổ của chế độ tư bản đã áp bức, bóc lột họ hàng thế kỷ. Còn ở các nước vốn là xã hội chủ nghĩa trước đây, trong công cuộc cải tổ, do sự sai lầm của một số lãnh tụ xét lại chủ nghĩa Mác - Lênin, phản bội lại chủ nghĩa xã hội để hướng theo con đường tư bản chủ nghĩa thì đang diễn ra sự khủng hoảng. Sự thật đó chứng tỏ chủ nghĩa tư bản không có triển vọng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta nhất định sẽ từng bước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Thắng lợi bước đầu nhưng rất quan trọng của công cuộc đổi mới đã đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng và tạo đà để nước ta bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên tinh thần kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng khẳng định: "đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là quan niệm đúng đắn hơn về chủ nghĩa xã hội và thực hiện mục tiêu ấy bằng những hình thức, bước đi và biện pháp phù hợp"¹.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (tháng 4-2001) của Đảng đã phát triển thêm và cụ thể hoá hơn những nội dung của đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam với những bước đi, hình thức để đạt được mục tiêu cụ thể hơn. Đó là: "Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, *cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ*. Trong các lĩnh vực của đời sống xã hội diễn ra sự đan xen và đấu tranh giữa cái mới và cái cũ. Từ Đại hội VIII của Đảng năm 1996, đất nước ta đã chuyển sang chặng đường mới đẩy mạnh công nghiệp

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Sđd*, tr.70.

hoá, hiện đại hoá, phấn đấu đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Trong chặng đường hiện nay còn phải tiếp tục hoàn thành một số nhiệm vụ của chặng đường trước"¹.

Với những quan điểm đổi mới có nguyên tắc đúng đắn, ngày càng phát triển và cụ thể hơn về mục tiêu, con đường, bước đi, hình thức... của cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Đảng ta đã tạo những động lực trí tuệ và niềm tin mới ngày càng vững chắc cho cả dân tộc ta, chung sức chung lòng đưa sự nghiệp cách mạng tới thắng lợi hoàn toàn.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.85.